

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-01-2022
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thuận.

2. Ông Cao Tấn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thu S**, sinh năm 1976; địa chỉ: số nhà B5/6A, ấp X, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Quang H**, sinh năm 1974; địa chỉ: số nhà B5/6A, ấp X, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu S trình bày:**

Chị S và anh H tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1996, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/11/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H ham mê cờ bạc, thường xuyên rượu chè, không lo làm ăn. Ngoài ra, anh H còn ghen tuông vô cớ, xúc phạm chị S. Vào tháng 02/2019, chị S nộp

đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H. Ngày 15/3/2019, anh H có làm “Tờ cam kết” để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ nhưng từ ngày đoàn tụ (ngày 15/3/2019) đến nay, vợ chồng vẫn không có tiếng nói chung, mặc dù vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng anh chị không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Hiện hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị S và anh H có hai con chung là Huỳnh Văn Trung T, sinh ngày 09/02/1997 và Huỳnh Khánh D, sinh ngày 12/12/1999. Hiện các con đều đã thành niên nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Huỳnh Quang H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng anh không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh H; con chung đã thành niên, không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết; tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thu S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn anh Huỳnh Quang H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị S, anh H là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị S và anh H tự nguyện chung sống vợ chồng năm 1996 và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị S, thấy rằng: Qua lời trình bày của chị S thì chị và anh H chung sống không còn hạnh phúc từ năm 2016, nguyên nhân do anh H cờ bạc, rượu chè, không lo làm ăn và ghen tuông. Từ ngày 15/3/2019 đến nay, vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị S yêu cầu được ly hôn với anh H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị S. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị S và anh H không còn hạnh phúc nên mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hai con chung của chị S và anh H là Huỳnh Văn Trung T, sinh ngày 09/02/1997 và Huỳnh Khánh D, sinh ngày 12/12/1999 đều đã thành niên, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[6] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thu S đối với anh Huỳnh Quang H. Chị Nguyễn Thu S được ly hôn với anh Huỳnh Quang H.

2. Về con chung: Chị S và anh H có hai người con là Huỳnh Văn Trung T, sinh ngày 09/02/1997 và Huỳnh Khánh D, sinh ngày 12/12/1999 đều đã thành niên, chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thu S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009900 ngày 16 tháng 6 năm

2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị S đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị S, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu